

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 139/2018/HS-ST

Ngày: 06/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, TP.HCM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý
2. Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Lê Việt Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 114/2018/TLST-HS ngày 11/5/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2018/QĐXXST-HS ngày 14/5/2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Bảo L (Nguyễn Bảo L1); sinh ngày: 1975; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số 22 đường x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Quang G (C); và bà: Lê Thị Mỹ T; vợ Nguyễn Thị C; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 29/01/1994, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản của công dân, ngày 16/12/1994 chấp hành xong; Ngày 28/4/1997, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản của công dân, ngày 22/10/1998 chấp hành xong; Ngày 12/4/2000, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản của công dân, ngày 8/4/2002 chấp hành xong; Ngày 13/11/2003, bị Tòa án quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 31/5/2006 chấp hành xong; Ngày 30/9/2009, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xử phạt 05 năm tù về tội Cướp giật tài sản; Ngày 14/01/2010, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm y án, ngày 16/9/2013 chấp hành xong; bị bắt, tạm giam ngày: 14/12/2015. (Có mặt)

- Người tham gia tố tụng khác: Người làm chứng:

1. Anh Phạm Hoài B, sinh năm 1993. (Vắng mặt)
2. Anh Lê Bá T, sinh năm 1995. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 14/12/2015, Công an phường H, quận T tiến hành kiểm tra tại nhà số 22 đường x, khu phố y, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Bảo L có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ tại phòng ngủ của L gồm: 01 gói thuốc lá Jet bên trong có 01 gói nylon chứa 13 gói giấy bạc trong 13 gói giấy bạc có chứa 13 gói nylon màu trắng hàn kín, chứa tinh thể không màu; 01 điện thoại di động Samsung có số thuê bao 01208422261.

Kết luận giám định số 178/KLGD-H ngày 15/01/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu trong 13 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Bảo L và hình dấu Công an phường H, quận T gửi đến giám định có trọng lượng 1,7700 g, có Methamphetamine (MA).

Nguyễn Bảo L sử dụng ma túy (Hàng đá) từ tháng 10/2014 cho đến ngày bị bắt. Lúc 14 giờ ngày 13/12/2015, L xuống khu vực đường N, quận P gặp tên Hùng (Không rõ nhân thân lai lịch) hỏi mua 800.000 đồng ma túy đá đem về phòng ngủ phân nhỏ ra 14 gói và hàn kín lại cất giữ để sử dụng, L sử dụng hết 01 gói ma túy đá còn lại 13 gói bỏ vào bên trong bao thuốc lá Jet cất giấu ở tủ sắt đựng quần áo trong phòng ngủ của L. Đến 14 giờ ngày 14/12/2015 thì bị Công an phường H, quận T kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng của vụ án:

- 01 vỏ gói thuốc lá Jet;
- 01 gói niêm phong ghi vụ số 178 có chữ ký giám định viên Võ Anh Tuấn bên trong là ma túy còn lại sau khi giám định;
- 01 điện thoại di động Samsung có số thuê bao 01208422261.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 296/2016/HSST ngày 29/6/2016, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức tuyên bị cáo Nguyễn Bảo L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, căn cứ điểm p khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo 07 năm tù, ngoài ra còn quyết định về xử lý vật chứng và án phí. Bị cáo L kháng cáo.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 558/2016/HSPT ngày 14/9/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt

bị cáo 03 năm tù. Ngày 22/5/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị giám đốc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 49/2017/HS-GĐT ngày 07/9/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận định Tòa án cấp phúc thẩm giảm án cho bị cáo từ 7 năm xuống còn 3 năm tù là không đúng, vi phạm Điều 47 Bộ luật hình sự và chưa đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân của bị cáo, vì vậy quyết định chấp nhận kháng nghị và hủy bản án hình sự phúc thẩm số 558/2016/HSPT ngày 14/9/2016 về phần hình phạt, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 24/2018/HSPT ngày 18/01/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định chưa đủ chứng cứ xác định Nguyễn Bảo Linh là Nguyễn Bảo L; bản án sơ thẩm và quyết định giám đốc thẩm xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nhưng đến nay Bộ luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực, thời hạn xóa án tích đã thay đổi theo hướng có lợi hơn cho bị cáo nhưng tài liệu thu thập về tiền án có thiếu sót nên chưa đủ cơ sở xác định việc xóa án cho bị cáo, vì vậy quyết định hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số 296/2016/HSST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức về phần hình phạt đối với bị cáo, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức giải quyết lại từ giai đoạn điều tra.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Bảo L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Bản Cáo trạng số 123/2018/CT-VKS ngày 09/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố bị cáo Nguyễn Bảo L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù, phần xử lý vật chứng đã được giải quyết tại Bản bản án hình sự sơ thẩm số 296/2016/HSST ngày 29/6/2016.

Bị cáo L không tranh luận hoặc bào chữa gì.

Bị cáo L nói lời sau cùng: Bị cáo biết tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Căn cứ Kết luận giám định số 468/KLGD-TT ngày 02/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định dấu vân tay trên 2 tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 (“Danh – Chỉ bản” lập ngày 29/9/1993 và ngày 26/2/1997 họ tên Nguyễn Bảo L1) trùng giống với dấu vân tay trên “Danh – Chỉ bản” để tên Nguyễn Bảo L ký hiệu M, có cơ sở xác định Nguyễn Bảo L1 là Nguyễn Bảo L.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Bảo L phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, với khối lượng ma túy bị cáo bị bắt quả tang theo kết luận giám định là 1,7700g, có Methamphetamine. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Nguyễn Bảo L đã phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự, do điều khoản tại Điều 249 Bộ luật Hình sự hiện hành (Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017) giảm hình phạt nên áp dụng có lợi cho bị cáo, xử lý bị cáo theo Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do tính chất đặc biệt của chất ma túy có thể gây tác hại rất lớn về nhiều mặt cho xã hội. Nhà nước ta cũng như cả thế giới đều ra sức đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy, mọi hành vi trái pháp luật liên quan đến ma túy đều bị nghiêm cấm và xử lý nghiêm khắc nếu có vi phạm. Vì động cơ thỏa mãn cơn nghiện, bị cáo đã thực hiện hành vi cất giữ, tàng trữ một lượng ma túy nhất định, thể hiện bị cáo rất liều lĩnh và xem thường pháp luật của nhà nước. Về nhân thân, bị cáo đã nhiều lần bị kết án. Bản án số 07/HSST ngày 29/01/1994, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xử phạt 15 tháng tù, ngày 16/12/1994 chấp hành xong, theo văn bản số 46/XMTHA ngày 11/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận trả lời không thụ lý hồ sơ Bản án số 07/HSST ngày 29/01/1994 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận; Bản án số 78/HSST ngày 28/4/1997, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 24 tháng tù, ngày 22/10/1998 chấp hành xong, theo văn bản số 66/XMTHA ngày 07/7/2009 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, bị cáo L đã đóng án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng; Bản án 1021/HSST ngày 12/4/2000, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù, ngày 04/6/2002 chấp hành xong, tại văn bản số 5066/CTHADS-VP ngày 29/2/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh trả lời chưa tiếp nhận bản án số 1021/SST ngày 12/4/2000 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Bản án số 84/HSST ngày 13/11/2003, bị Tòa án quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù, ngày 31/5/2006 chấp hành xong, hồ sơ được Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận ủy thác cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, tại văn bản số

67/GXN-THA ngày 16/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức xác nhận bị cáo L đã nộp phạt 300.000 đồng, phần còn lại 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.921.000 đồng phạt sung công quỹ được đình chỉ theo Quyết định số 107/QĐ-THA ngày 16/5/2011 do được miễn thi hành án tiền phạt theo Quyết định số 07/2011/QĐ-MTHA-ST ngày 01/4/2011 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức; Bản án số 176/2009/HSST ngày 30/9/2009, bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xử phạt 05 năm tù, Bản án số 34/2010/HSPT ngày 14/01/2010, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm y án, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/9/2013, tính đến ngày phạm tội trong vụ án này 14/12/2015 đã quá 02 năm; tại văn bản số 68/GXN-THA ngày 16/5/2016 của Chi cục Thi hành án quận Thủ Đức xác nhận bị cáo L đã thi hành xong khoản nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm, 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 00008 ngày 25/11/2010, đối với khoản bồi thường cho chị Ngô Thị Tú Trinh số tiền 1.750.000 đồng, cơ quan chưa nhận được đơn yêu cầu thi hành án. Như vậy, đối với phần thi hành án thuộc cơ quan thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án theo khoản 2 Điều 36 Luật thi hành án dân sự và đã ra quyết định thì bị cáo đã chấp hành xong, đối với phần thi hành án phải có yêu cầu thi hành án thì đến nay đã hết thời hiệu 05 năm theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự mà Cơ quan thi hành án chưa nhận được đơn yêu cầu thi hành án, xem như bị cáo đã chấp hành xong các quyết định khác của các bản án. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 về thời gian được xóa án có lợi hơn cho bị cáo so với Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo L đã được đương nhiên xóa án. Tuy bị cáo đã được xóa án đối với các tiền án trước đây, nhưng với nhân thân của bị cáo rất xấu, cần áp dụng điểm c khoản 1 của Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo với hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và nêu gương phòng ngừa chung.

[3] Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Do hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, nên Hội đồng xét xử xem xét và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: đã được giải quyết tại Bản bản án hình sự sơ thẩm số 296/2016/HSST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức.

[6] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bảo L phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Bảo L 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2015.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 296/2016/HSST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật.

- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Bảo L chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS, CA, Chi cục THA Q.TĐ
- Chi cục thuế Q.TĐ
- PC27
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Trung Tuấn